

Số: 318/KH-UBND

Tháp Mười, ngày 26 tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH
Xây dựng xã Đốc Bình Kiều đạt chuẩn
nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024

Thực hiện Quyết định số 863/QĐ-UBND-HC ngày 08 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 864/QĐ-UBND-HC ngày 08 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Khung cấu trúc mô hình và Bộ tiêu chí Làng thông minh áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về xây dựng huyện Tháp Mười đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2020-2025;

Thực hiện Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc xây dựng huyện Tháp Mười đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đến năm 2025;

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch xây dựng xã Đốc Bình Kiều đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024, như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG

Xã Đốc Bình Kiều được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 theo Quyết định số 694/QĐ-UBND-HC ngày 30 tháng 06 năm 2023..

Kết quả rà soát các điều kiện theo bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 xã Đốc Bình Kiều thực hiện đạt kết quả như sau:

- Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025: **Đã đạt.**
- Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm; hiện đạt 68,30/79,20/triệu đồng/người/năm, **chưa đạt.**
- Đạt đủ các tiêu chí của 01 (một) trong 05 nhóm tiêu chí, xã chọn Nhóm tiêu chí về Sản xuất, **chưa đạt.**

Qua rà soát Nhóm tiêu chí về sản xuất xã Đốc Bình Kiều đạt 03/06 tiêu chí, còn 03 tiêu chí chưa đạt cụ thể như sau:

3.1. Tiêu chí số 4. Thực hiện cấp mã số vùng trồng đối với diện tích trồng đủ điều kiện: Cây lúa đạt ít nhất 85% diện tích trồng (0/85%, chưa đạt); Cây ăn trái đạt ít nhất 80% diện tích trồng (17,03/80%, chưa đạt); Cây hoa màu đạt ít nhất (50%) diện tích trồng (đạt, do đặc thù xã trồng cây màu họ bầu, bí, dưa lân canh trên nền đất lúa nên không thực hiện cấp mã số vùng trồng).

3.2. Tiêu chí số 5. Thực hành sản xuất lúa, cây ăn trái, rau màu an toàn chưa đạt 0/02 chỉ tiêu.

- *Chỉ tiêu 5.1.* Chứng nhận VietGAP hoặc các GAP khác, đạt ít nhất 20% diện tích trồng. Hiện có 0,46% diện tích gieo trồng (13,1ha/2.807,99ha).

- *Chỉ tiêu 5.2.* Chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, đạt ít nhất 70% diện tích trồng. Hiện có 0,46% diện tích gieo trồng (13,1ha/2.807,99ha).

3.3. Tiêu chí số 6. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản: Chưa đạt 02 chỉ tiêu.

- *Chỉ tiêu 6.1.* Cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản đạt chứng nhận VietGAP hoặc GAP khác, đạt chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương thiết lập, duy trì thực hiện hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đạt 100%.

- *Chỉ tiêu 6.2.* Cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản đạt Chứng nhận VietGAP hoặc GAP khác, đạt chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đạt ít nhất 01 cơ sở. Hiện Cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản chưa có sản phẩm có chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

4. Có ít nhất 01 (một) mô hình làng thông minh, do Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh quy định cụ thể; xã chưa có Làng thông minh.

II. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU NĂM 2024

1. Mục tiêu: Xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024.

2. Chỉ tiêu

- Tiếp tục duy trì và nâng chất các tiêu chí đã đạt chuẩn xã NTM, xã NTM nâng cao.

- Hoàn thành các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu theo nhóm tiêu chí sản xuất.

- Thu nhập bình quân đầu người của xã đạt $\geq 79,20$ /triệu/ người/năm.

- Có 01 (một) mô hình Làng thông minh.

2. Nhiệm vụ, giải pháp, thời gian, phân công thực hiện các nội dung của tiêu chí và chỉ tiêu (phụ lục I kèm theo)

III. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Chủ động thực hiện đa dạng nguồn vốn xây dựng các công trình hạ tầng nông thôn từ ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện, xã, tín dụng và doanh nghiệp, mạnh thường quân... Đầu tư các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhân rộng các mô hình có hiệu quả, trang bị mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất...

IV. KHÉP HỒ SƠ VÀ TRÌNH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN

a) Ủy ban nhân dân xã Đốc Bình Kiều

- Chủ động khép hồ sơ minh chứng các nội dung tiêu chí đã đạt theo hướng dẫn của các sở, ngành tỉnh (Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu Nhóm tiêu chí sản xuất và Bộ tiêu chí Làng thông minh) **trước tháng 07/2024**, các tiêu chí chưa đạt hoàn thành **trong tháng 8/2024**.

- Chủ động xây dựng báo cáo trình thẩm tra xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu **trước ngày 10/9/2024** (thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ).

- Hoàn thành các thủ tục trình Ủy ban nhân dân huyện **trước ngày 27/9/2024**.

b) Các thành viên Ban Chỉ đạo huyện

Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công và chức năng nhiệm vụ của đơn vị thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Đốc Bình Kiều trong tổ chức thực hiện khép hồ sơ minh chứng và xây dựng báo cáo đề nghị xét công nhận xã Đốc Bình Kiều đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024 **trước ngày 23/9/2024**.

c) Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện (Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện)

- Triển khai thực hiện Kế hoạch này, chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trong xây dựng xã Đốc Bình Kiều đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024.

- Là đầu mối tổng hợp và điều phối quá trình khép hồ sơ minh chứng và xây dựng các văn bản đề nghị xét công nhận xã Đốc Bình Kiều đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện hoàn thiện hồ sơ đề nghị về tỉnh thẩm định, xét, công nhận xã Đốc Bình Kiều đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024 theo quy định. Thời gian trình các nội dung tham mưu về Ủy ban nhân dân huyện **trước ngày 05/10/2024**.

d) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện

Lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã Đốc Bình Kiều về đề nghị xã Đốc Bình Kiều đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng dẫn và gửi kết quả lấy ý kiến về Ủy ban nhân dân huyện theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch xây dựng xã Đốc Bình Kiều đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười./.

Nơi nhận:

- Văn phòng điều phối XDNTM tỉnh;
- TT/HU; TT/HĐND huyện;
- Ban Chỉ đạo CTMTQGXDNTM gắn với Đề án TCCNNN-CTGNBV huyện;
- Ban Chỉ đạo XDNTM Đốc Bình Kiều;
- Ban Chỉ đạo CTMTQGXDNTM các xã;
- Lưu VT, NC (Lan).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Công Phú

Phụ lục

CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, THỜI GIAN VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG TIÊU CHÍ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười)

| TT | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt của tiêu chí | Kết quả thực hiện | Giải pháp thực hiện | Đơn vị thực hiện và phối hợp | | Thời gian thực hiện |
|----|--|---|-------------------|--|------------------------------|--|---------------------|
| | | | | | Thực hiện chính | Phối hợp thực hiện | |
| I | Duy trì, nâng chất các tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao | | | Duy trì, nâng chất và khép hồ sơ minh chứng đối với các tiêu chí sở ngành tỉnh yêu cầu (Y tế, thu nhập,..) | UBND xã Đốc Bình Kiều | Các Đơn vị ngành huyện phụ trách tiêu chí | Tháng 6/2024 |
| II | Thực hiện đạt các tiêu chí xã NTM kiểu mẫu, nhóm tiêu chí sản xuất | | | | | | |
| 1 | Tiêu chí số 1 Tỷ lệ số hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị ổn định | ≥ 70% | 70% Đạt | Chủ động khép hồ sơ minh chứng | UBND xã Đốc Bình Kiều | Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện, Phòng NN và PTNT huyện | Tháng 6/2024 |
| 2 | Tiêu chí số 2 Hợp tác xã nông nghiệp có ứng dụng chuyển đổi số trong sản xuất, quản lý hoặc điều hành hoạt động | Ít nhất 01 mô hình ứng dụng chuyển đổi số | Đạt | Chủ động khép hồ sơ minh chứng | UBND xã Đốc Bình Kiều | Phòng NN và PTNT huyện | Tháng 6/2024 |

| | | | | | | | |
|---|--|----------------------------------|-----------------|---|-----------------------|--|---------------|
| 3 | Tiêu chí số 3 Có mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô lớn gắn với liên kết tiêu thụ được ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ Cây lúa (100 ha) | Đạt | Đạt | Chủ động khép hồ sơ minh chứng | UBND xã Đốc Binh Kiều | Trung tâm DVNN huyện | Tháng 6/2024 |
| 4 | Tiêu chí số 4 Thực hiện cấp mã số vùng trồng đối với diện tích trồng đủ điều kiện: Cây lúa (85%); cây ăn trái (đạt (80%); cây màu (không có diện tích) : | | | | | | |
| | a) Cây lúa | Đạt ít nhất 85% diện tích trồng | 0% Chưa đạt | Thiết lập hồ sơ đề nghị để được cấp mã số vùng trồng 85 % diện tích lúa | UBND xã Đốc Binh Kiều | Phòng NN và PTNT huyện; Trung tâm DVNN huyện | Tháng 8/2024 |
| | b) Cây ăn trái | Đạt ít nhất 80% diện tích trồng. | 17,03% Chưa đạt | Thiết lập hồ sơ đề nghị để được cấp mã số vùng trồng 80% diện tích cây ăn trái | UBND xã Đốc Binh Kiều | Phòng NN và PTNT huyện | Tháng 8/2024 |
| | c) Cây màu | Đạt ít nhất 50% diện tích trồng | Đạt | Do xã Đốc Binh Kiều trồng màu chủ yếu họ bầu, bí, dưa luân canh trên nền đất lúa nên không thực hiện cấp mã số vùng màu. Xã chủ động khép hồ sơ | UBND xã Đốc Binh Kiều | Phòng NN và PTNT huyện | Tháng 6/2024 |
| 5 | Tiêu chí số 5 Thực hành sản xuất lúa, cây ăn trái, rau màu an toàn: | | | | | | |
| | Chỉ tiêu 5.1 Chứng nhận VietGAP hoặc các GAP khác | Đạt ít nhất 20% diện tích trồng | 0,46% Chưa đạt | Thực hiện hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận VietGAP với 20% diện tích trồng (587ha) | UBND xã Đốc Binh Kiều | Trung tâm DVNN huyện | Tháng 08/2024 |

| | | | | | | | |
|------------|--|---------------------------------|------------------------|--|-----------------------|---|---------------|
| | Chỉ tiêu 5.2 Chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đạt 0%). | Đạt ít nhất 70% diện tích trồng | 0% Chưa đạt | Thực hiện để được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm 70 % diện tích lúa | UBND xã Đốc Bình Kiều | Trung tâm DVNN huyện | Tháng 08/2024 |
| 6 | Tiêu chí số 6 Truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản: Chưa đạt | | | | | | |
| | Chỉ tiêu 6.1 Cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản đạt Chứng nhận VietGAP hoặc GAP khác, đạt chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương thiết lập, duy trì thực hiện hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm (đạt 0%); | Đạt 100% cơ sở | Chưa đạt | Triển khai đến các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản trên địa bàn xã thực hiện đạt chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm | UBND xã Đốc Bình Kiều | Phòng NN và PTNT huyện | Tháng 6/2024 |
| | Chỉ tiêu 6.2 Cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản đạt Chứng nhận VietGAP hoặc GAP khác, đạt chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm (đạt 0%). | Đạt ít nhất 01 cơ sở | Chưa có cơ sở Chưa đạt | Chọn và làm việc với Công ty Chon Chính thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm gạo ST25 | UBND xã Đốc Bình Kiều | Phòng NN và PTNT huyện | Tháng 08/2024 |
| III | Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm) | đạt $\geq 79,20$ | 68,30 | Hiện mới đạt 68,30/79,20 triệu đồng/người/năm Thực hiện thông tin, tuyên truyền để người dân nắm được mục đích của việc điều tra thu nhập và cung | UBND xã Đốc Bình Kiều | Chi cục Thống kê huyện và các đơn vị có liên quan | Tháng 08/2024 |

| | | | | | | | |
|-----------|--|-------------|----------|---|-----------------------|----------------------------------|---------------|
| | | | | cấp đầy đủ các nguồn thu nhập từ các thành viên trong hộ gia đình; nhân rộng các mô hình có hiệu quả; tăng cường công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giới thiệu, tư vấn việc làm cho lực lượng lao động chưa có việc làm, người đến tuổi lao động góp phần tăng thu nhập cho người dân. | | | |
| IV | Thực hiện đạt các tiêu chí Làng thông minh: Làng Thông minh được chọn ở ấp 5 xã Đốc Binh Kiều | | | | | | |
| 1 | Tiêu chí số 1 Hạ tầng số kết nối Internet | | | | | | |
| | Chỉ tiêu 1.1. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh của người dân trong độ tuổi lao động | $\geq 50\%$ | Chưa đạt | Thực hiện điều tra để tính tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh của người dân trong độ tuổi lao động | UBND xã Đốc Binh Kiều | Phòng Văn hóa và Thông tin huyện | Tháng 08/2024 |
| | Chỉ tiêu 1.2. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...) | 100% | Chưa đạt | Lắp đặt thêm 5 điểm Wifi | UBND xã Đốc Binh Kiều | Phòng Văn hóa và Thông tin huyện | Tháng 08/2024 |

| | | | | | | | |
|---|--|-----------|----------|---|-----------------------|---|---------------|
| | Chỉ tiêu 1.3. Có hệ thống camera giám sát an ninh (các nút giao thông trọng điểm, khu vực đông người), hoạt động ổn định | Đạt | Chưa đạt | Cần lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh trên Làng Thông minh | UBND xã Đốc Bình Kiều | Công an huyện, đơn vị có liên quan | Tháng 08/2024 |
| | Chỉ tiêu 1.4. Tỷ lệ thành viên Tổ Điều hành sử dụng điện thoại thông minh có kết nối internet để phục vụ hoạt động vận hành Làng thông minh. | Đạt | Chưa đạt | Thực hiện thống kê và tự trang bị điện thoại thông minh có kết nối internet sau khi Thành lập tổ Điều hành Làng thông minh | UBND xã Đốc Bình Kiều | Phòng Văn hóa và Thông tin huyện | Tháng 08/2024 |
| 2 | Tiêu chí số 2 Chia sẻ thông tin, Dịch vụ số | | | | | | |
| | Chỉ tiêu 2.1. Có hệ thống thông tin dữ liệu Làng thông minh | ≥ 01 | Chưa đạt | Cung cấp các thông tin dữ liệu của Làng thông minh cho Đơn vị tư vấn cập nhật hệ thống thông tin dữ liệu | UBND xã Đốc Bình Kiều | Phòng Văn hóa và Thông tin huyện, đơn vị có liên quan | Tháng 08/2024 |
| | Chỉ tiêu 2.2. Có nội dung quảng bá hình ảnh Làng thông minh trên Cổng/Trang thông tin điện tử cấp huyện và được cập nhật ít nhất 1 lần/tháng | ≥ 01 | Chưa đạt | Có bài viết và hình ảnh tuyên truyền về Làng Thông Minh | UBND xã Đốc Bình Kiều | Phòng Văn hóa và Thông tin huyện | Tháng 08/2024 |
| | Chỉ tiêu 2.3. Có ứng dụng kết nối, chia sẻ kinh nghiệm trong bộ phận dân cư địa phương và người dân với chính quyền. | Đạt | Chưa đạt | Sau khi lắp đặt trạm quan trắc thu thập và chia sẻ dữ liệu trực tuyến phục vụ sản xuất, trao đổi kinh nghiệm trong bộ phận dân cư | UBND xã Đốc Bình Kiều | Phòng Văn hóa và Thông tin huyện | Tháng 08/2024 |

| | | | | | | |
|---|-------------|----------|---|-----------------------|---|---------------|
| Chỉ tiêu 2.4. Có mô hình quan trắc thu thập và chia sẻ dữ liệu trực tuyến phục vụ sản xuất/sinh hoạt | Đạt | Chưa đạt | Lắp đặt máy dự báo sâu rầy và máy quan trắc môi trường | UBND xã Đốc Binh Kiều | Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện, Phòng NN và PTNT huyện | Tháng 08/2024 |
| Chỉ tiêu 2.5. Có kênh kỹ thuật số phổ biến thông tin (pháp luật, thông báo, hướng dẫn,...), tương tác, giải quyết ý kiến của người dân thông qua mạng kết nối | Đạt | Chưa đạt | Xây dựng kênh kỹ thuật số phổ biến các thông tin và tương tác với người dân | UBND xã Đốc Binh Kiều | Phòng Văn hóa và Thông tin huyện | Tháng 08/2024 |
| Chỉ tiêu 2.6. Mức độ áp dụng chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | Mức độ 3 | Đạt | Tiếp tục duy trì, nâng chất và chủ động khép hồ sơ minh chứng | UBND xã Đốc Binh Kiều | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện | Tháng 08/2024 |
| Chỉ tiêu 2.7. Tỷ lệ cơ sở giáo dục trên địa bàn triển khai thanh toán không dùng tiền mặt | 100% | Đạt | Tiếp tục duy trì, nâng chất và chủ động khép hồ sơ minh chứng | UBND xã Đốc Binh Kiều | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện | Tháng 08/2024 |
| Chỉ tiêu 2.8. Tỷ lệ tiếp nhận và xử lý hồ sơ thực hiện tại Công an cấp xã về: đăng ký và xoá đăng ký thường trú, đăng ký và xoá đăng ký tạm trú, tách hộ, điều chỉnh và xác nhận thông tin cư trú, thông báo lưu trú, khai báo tạm vắng, đăng ký xe | $\geq 50\%$ | Đạt | Chủ động khép hồ sơ minh chứng | UBND xã Đốc Binh Kiều | Công an huyện | Tháng 6/2024 |

| | | | | | | | |
|---|---|-------------|---------------------|---|-----------------------|---------------------------------|---------------|
| | mô tô xe gắn máy qua dịch vụ công trực tuyến. | | | | | | |
| | Chỉ tiêu 2.9. Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn được triển khai giáo dục STEM/STEAM | 100% | Đạt | Tiếp tục duy trì, nâng chất và chủ động khép hồ sơ minh chứng | UBND xã Đốc Binh Kiều | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện | Tháng 6/2024 |
| | Chỉ tiêu 2.10. Tỷ lệ cơ sở giáo dục trên địa bàn có triển khai mô hình giáo dục thông minh | 100% | Đạt | Tiếp tục duy trì, nâng chất và chủ động khép hồ sơ minh chứng | UBND xã Đốc Binh Kiều | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện | Tháng 08/2024 |
| | Chỉ tiêu 2.11. Mức độ áp dụng thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đột xuất trong thực hiện chuyển đổi số | Mức độ 4 | Đạt | Chủ động khép hồ sơ minh chứng | UBND xã Đốc Binh Kiều | Phòng Nội vụ huyện | Tháng 6/2024 |
| | Chỉ tiêu 2.12. Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử | $\geq 90\%$ | 74,16/90 % Chưa đạt | Tiếp tục tuyên truyền vận động người dân cài đặt hồ sơ sức khỏe điện tử | UBND xã Đốc Binh Kiều | Trung tâm Y tế huyện | Tháng 08/2024 |
| | Chỉ tiêu 2.13. Tỷ lệ người dân tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến | $\geq 70\%$ | 80% | Chủ động khép hồ sơ minh chứng | UBND xã Đốc Binh Kiều | Phòng Nội vụ huyện | Tháng 6/2024 |
| 3 | Tiêu chí số 3 Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh | | | | | | |

| | | | | | | |
|---|-------------|----------|--|-----------------------|-------------------------------------|---------------|
| Chỉ tiêu 3.1. Có ít nhất 01 sản phẩm ứng dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc với sự tham gia của người dân | Đạt | Đạt | Chủ động khép hồ sơ minh chứng | UBND xã Đốc Binh Kiều | Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện | Tháng 6/2024 |
| Chỉ tiêu 3.2. Có sản phẩm chủ lực được kinh doanh trên kênh thương mại điện tử | ≥ 01 | Chưa đạt | Đưa sản phẩm Gao TS25, Đài thơm 8 của Công ty Chơn Chính kinh doanh trên kênh thương mại điện tử. | UBND xã Đốc Binh Kiều | Phòng NN và PTNT huyện | Tháng 08/2024 |
| Chỉ tiêu 3.3. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch, năng suất, sản lượng, cơ cấu giống, lịch xuống giống, hạ tầng thủy lợi. | $\geq 80\%$ | Đạt | Chủ động khép hồ sơ minh chứng | UBND xã Đốc Binh Kiều | Phòng NN và PTNT huyện | Tháng 6/2024 |
| Chỉ tiêu 3.4. Có mã số vùng trồng sản phẩm chủ lực được cấp (cây lúa: $\geq 85\%$ diện tích; cây ăn trái: $\geq 80\%$ diện tích; rau màu: $\geq 50\%$ diện tích). | ≥ 01 | Chưa đạt | Triển khai thực hiện và thiết lập hồ sơ cây lúa: $\geq 85\%$ diện tích; cây ăn trái: $\geq 80\%$ diện tích | UBND xã Đốc Binh Kiều | Phòng NN và PTNT huyện | Tháng 08/2024 |
| Chỉ tiêu 3.5. Có cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, đạt chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương thực hiện ứng dụng công | ≥ 01 | Đạt | Chủ động khép hồ sơ minh chứng | UBND xã Đốc Binh Kiều | Phòng NN và PTNT huyện | Tháng 6/2024 |
| Chỉ tiêu 3.6. Tổ chức lấy ý kiến người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới thông qua ứng dụng trực tuyến. | Đạt | Chưa đạt | Khi Trung ương cấp cho đường link sẽ thực hiện lấy ý kiến | UBND xã Đốc Binh Kiều | Phòng NN và PTNT huyện | Tháng 08/2024 |
| Chỉ tiêu 3.7. Có sản phẩm đạt chuẩn | ≥ 01 | Chưa đạt | Rà soát sản phẩm OCOP 3 sao, sản phẩm tiềm năng tại ấp 5 tham | UBND xã | Phòng NN và PTNT | Tháng 08/2024 |

| | | | | | | | |
|---|--|-----|----------|---|-----------------------|--------------------------------|---------------|
| | OCOP từ 04 sao trở lên | | | gia đánh giá chứng nhận OCOP 4 sao | Độc Bình Kiều | huyện, đơn vị có liên quan | |
| 4 | Tiêu chí số 4 Quản trị, vận hành | | | | | | |
| | Chỉ tiêu 4.1. Có Tổ Điều hành hoạt động Làng thông minh. | Đạt | Chưa đạt | Ủy ban nhân dân xã thành lập Tổ điều hành Làng thông minh | UBND xã Độc Bình Kiều | Phòng Nội vụ huyện | Tháng 08/2024 |
| | Chỉ tiêu 4.2. Có quy chế vận hành Làng thông minh | Đạt | Chưa đạt | Ban hành quy chế vận hành Làng thông minh | UBND xã Độc Bình Kiều | Phòng Nội vụ huyện | Tháng 08/2024 |
| | Chỉ tiêu 4.3. Có lộ trình phát triển Làng thông minh | Đạt | Chưa đạt | Xây dựng Kế hoạch lộ trình phát triển Làng thôn minh | UBND xã Độc Bình Kiều | Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện | Tháng 08/2024 |